

Số: 3431 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 15 tháng 9 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí “Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả tỉnh Bình Định đến năm 2020”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2208/TTr-SNN ngày 26/6/2017, Văn bản số 3060/SNN-KH ngày 29/8/2017 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2491/STC-TCHCSN ngày 06/9/2017.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí “Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả tỉnh Bình Định đến năm 2020”, với những nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Tên đề án:** Chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả tỉnh Bình Định đến năm 2020.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

**3. Đại diện chủ đầu tư:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

**4. Nội dung đề cương:** Có đề cương kèm theo.

**5. Phạm vi đề án:** 7 huyện, thành phố (Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh và TP. Quy Nhơn).

**6. Đơn vị lập đề án:**

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

- Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp nông thôn tỉnh Bình Định.

**7. Dự toán kinh phí lập đề án: 219.075.000 đồng** (Hai trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**8. Nguồn kinh phí thực hiện:**

- Năm 2017: Từ nguồn kinh phí không tự chủ đã giao dự toán cho đơn vị (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) tại Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, với số tiền là: 105.915.000 đồng;

- Năm 2018: Giao Sở Tài chính tổng hợp, bố trí phần kinh phí còn lại là 113.160.000 đồng (219.075.000 đồng – 105.915.000 đồng) vào dự toán năm 2018 trình UBND tỉnh giao dự toán để đơn vị thực hiện.

**9. Thời gian hoàn thành:** Tháng 10 năm 2017.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời khi xây dựng dự toán năm 2018 thì tổng hợp nội dung kinh phí thực hiện đề án nêu trên gửi Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh giao dự toán đầu năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Giám đốc Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *vlh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K7, K10 *vlh*



**Phan Cao Thắng**

**ĐỀ CƯƠNG**  
**“ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT SẢN XUẤT**  
**3 VỤ LÚA/NĂM SANG CÂY TRỒNG KHÁC CÓ HIỆU QUẢ TỈNH BÌNH**  
**ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



**Phần I**  
**ĐẶT VẤN ĐỀ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Sản xuất lúa ở Bình Định thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được đưa vào sản xuất, nên năng suất lúa đã liên tục tăng lên qua các năm. Kết quả đó đã góp phần đáng kể trong việc giữ vững nhịp độ tăng trưởng chung của ngành Nông nghiệp và an ninh lương thực của tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất lúa ở tỉnh còn những vấn đề cần tập trung giải quyết, đó là:

- Tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất 3 vụ lúa/năm như: Vụ Đông Xuân gieo sạ sớm thường gặp mưa lũ làm mất giống và khi lúa trổ thường bị gặp rét; Vụ Hè khô hạn, nắng nóng dẫn đến thiếu nước; vụ 3 thường bị ngập úng do mưa lũ cuối vụ làm thiệt hại cho sản xuất.

- Sử dụng đất liên tục, không có thời gian nghỉ, sâu bệnh phát triển trên các chân đất chuyên 3 vụ lúa diễn biến ngày càng phức tạp; sản xuất không đồng bộ dẫn đến công tác chỉ đạo sản xuất gặp khó khăn;

- Hiệu quả sản xuất trên chân 3 vụ lúa/năm bấp bênh, thấp nên phát huy hiệu quả trong sản xuất trồng trọt còn hạn chế;

- Lao động nông thôn ngày càng thiếu nên khó đáp ứng cho sản xuất 3 vụ lúa/năm.

Từ thực tế trên, xây dựng “Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả tỉnh Bình Định đến năm 2020” là cần thiết, nhằm tổ chức lại sản xuất, thực hiện chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm, để tạo ra những sản phẩm mang lại hiệu quả, có giá trị, đáp ứng nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

**II. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN**

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020;

- Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển trồng trọt tỉnh Bình Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 738/UBND-KT ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương Đề án chuyển đổi sản xuất lúa 3 vụ lúa/năm sang sản xuất 2 vụ lúa/năm trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2017-2020.

### **III. TÊN, QUY MÔ, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU LẬP ĐỀ ÁN**

**1. Tên đề án:** Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả tỉnh Bình Định đến năm 2020.

#### **2. Quy mô và phạm vi đề án**

a) Quy mô: Trên toàn bộ diện tích đất sản xuất 3 vụ lúa/năm tỉnh Bình Định.

b) Phạm vi: 7 huyện, thành phố: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh và TP. Quy Nhơn.

c) Thời gian thực hiện: Đến năm 2020.

#### **3. Đối tượng nghiên cứu lập đề án**

a) Các yếu tố về điều kiện tự nhiên tại các vùng sản xuất 3 vụ lúa/năm hiện nay: Khí hậu, thời tiết, đặc điểm địa hình, đặc điểm đất đai, nguồn nước.

b) Các yếu tố về điều kiện kinh tế - xã hội tại các vùng sản xuất 3 vụ lúa/năm hiện nay: Giao thông, thủy lợi, điện; lao động, tập quán, thu nhập... ảnh hưởng đến sản xuất trồng trọt.

c) Công tác chỉ đạo sản xuất ở các địa phương còn sản xuất 3 vụ lúa/năm.

d) Thực trạng sản xuất 3 vụ lúa/năm ở các địa phương.

đ) Đề xuất các giải pháp thực hiện chuyển đổi.

e) Các mô hình khuyến nông đã thực hiện chuyển đổi trên các chân đất sản xuất 3 vụ lúa/năm ở 7 huyện, thành phố.

g) Tập quán canh tác và các yếu tố bất lợi trong sản xuất 3 vụ lúa/năm.

### **IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LẬP ĐỀ ÁN**

#### **1. Phương pháp điều tra**

- Xây dựng mẫu phiếu điều tra để phỏng vấn trực tiếp các hộ dân sản xuất 3 vụ lúa/năm, nội dung phiếu điều tra thể hiện từ 2014-2016: Ảnh hưởng thời

tiết, tình hình sâu bệnh, hiệu quả, năng suất... đối với sản xuất 3 vụ lúa/năm so với sản xuất 2 vụ lúa/năm và các cơ cấu cây trồng mùa vụ khác;

- Trực tiếp phỏng vấn người dân;

- Phỏng vấn cán bộ khuyến nông xã: Chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, các mô hình khuyến nông, tham gia chỉ đạo sản xuất trên chân đất sản xuất 3 vụ lúa/năm;

- Phỏng vấn lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, UBND xã: Chỉ đạo sản xuất ở địa phương, khắc phục hậu quả thiên tai, lao động...

**2. Phương pháp khảo sát khoan vế ngoài thực địa:** Điều tra, đánh giá về các điều kiện ở vùng chuyển đổi; xác định diện tích, nội dung và giải pháp của từng vùng chuyển đổi.

**3. Phương pháp thống kê, phân tích, đánh giá:** Tổng hợp các nguồn tài liệu, bản đồ, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, điều kiện thích nghi, đặc điểm thổ nhưỡng, các yếu tố về kỹ thuật trong sản xuất lúa, kỹ thuật sản xuất các cây trồng cạn, về hiệu quả kinh tế (so sánh sản xuất 3 vụ lúa/năm với 2 vụ lúa/năm), về thị trường tiêu thụ, các yếu tố về kết cấu hạ tầng có liên quan đến vùng chuyển đổi...

Trên cơ sở đó sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích để lựa chọn cây trồng để bố trí đưa vào sản xuất.

**4. Phương pháp xây dựng bản đồ:** Kế thừa chồng ghép các bản đồ đã có với bản đồ ngoại nghiệp về kết quả điều tra, xác minh ở thực địa để làm căn cứ cho việc lập bản đồ chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cây trồng trên diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm.

**5. Phương pháp chuyên gia:** Tổ chức hội nghị để tham vấn ý kiến các chuyên gia có kinh nghiệm, các địa phương, sở ngành có liên quan... để hoàn thiện Đề án.

**6. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến:** Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của cộng đồng dân cư các địa phương có diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm.

## Phần II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

### I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG CHUYỂN ĐỔI

#### 1. Điều kiện tự nhiên

- a) Đặc điểm khí hậu, thời tiết: Nhiệt độ, lượng mưa, gió bão.
- b) Đặc điểm đất đai.
- c) Thuỷ lợi: Nguồn nước mặt, nước ngầm.
- d) Kết quả đầu tư kết cấu hạ tầng.

#### 2. Điều kiện kinh tế - xã hội

- a) Lao động, hiệu quả và thu nhập của các hộ sản xuất 3 vụ lúa/năm.
- b) Hiệu quả kinh tế của sản xuất 3 vụ lúa/năm.

### II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA Ở 7 HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐOẠN 2010-2016

#### 1. Tình hình sử dụng đất lúa

- Thống kê tình hình sử dụng đất lúa 7 huyện, thành phố trong đó: Diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm, sản xuất 2 vụ lúa/năm và sản xuất 1 vụ lúa/năm phân theo địa phương;

- Diện tích đã chuyển đổi trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm thời gian qua ở 7 huyện;

- Nguyên nhân và phân tích nguyên nhân diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm chưa chuyển đổi được, những khó khăn.

#### 2. Diện tích, năng suất, sản lượng

- a) So sánh với sản xuất 2 vụ lúa/năm, với các cây trồng khác.
- b) So sánh với các mô hình đã thực hiện.
- c) Kết quả chuyển đổi diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm ở các địa phương.

#### 3. Ảnh hưởng của thiên tai đến sản xuất lúa trong đó có chân 3 vụ (5 năm qua)

- a) Tình hình sâu bệnh đối với chân 2 vụ, 3 vụ.
- b) Hạn hán, mưa, bão, lũ lụt... (các năm 2010, 2013, 2015).

#### 4. Sản xuất cây trồng cạn và các mô hình khuyến nông chuyển đổi đối với đất sản xuất 3 vụ lúa/năm

#### 5. Tình hình sử dụng rơm, rạ trong chăn nuôi đại gia súc

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Những thuận lợi

## 2. Những khó khăn, hạn chế

### IV. NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT SẢN XUẤT 3 VỤ LÚA/NĂM

#### 1. Quan điểm, mục tiêu

##### a) Quan điểm:

- Chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm để khắc phục biến đổi khí hậu, hạn chế thiên tai, sâu bệnh và phát triển bền vững trong sản xuất trồng trọt;

- Chuyển cơ bản diện tích đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả hơn.

##### b) Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát:

+ Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, vừa duy trì quỹ đất trồng lúa, bảo đảm sản lượng lương thực, tăng thu nhập cho người dân;

+ Khắc phục cơ bản tình trạng bấp bênh về năng suất lúa do tác động bất lợi của yếu tố thời tiết khí hậu.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2018 chuyển đổi 3.000 ha 3 vụ lúa/năm;

+ Năm 2019 chuyển đổi 4.000 ha 3 vụ lúa/năm;

+ Năm 2020 chuyển đổi 5.500 ha 3 vụ lúa/năm.

#### 3. Nội dung chuyển đổi

Xây dựng các mô hình với 3 đến 5 phương thức sản xuất lúa - màu:

a) Sản xuất 2 vụ lúa/năm: Quy mô, địa điểm.

b) Sản xuất (2vụ lúa + 1 vụ màu)/năm: Quy mô, địa điểm.

c) Sản xuất (1 vụ lúa + 2 vụ màu)/năm: Quy mô, địa điểm.

d) Sản xuất (1 vụ lúa + 1 vụ màu)/năm: Quy mô, địa điểm.

đ) Sản xuất cây màu: Quy mô, địa điểm.

#### 4. Giải pháp thực hiện

a) Tuyên truyền, phổ biến đến tận người dân trong vùng vùng.

b) Xây dựng các phương thức sản xuất hợp lý.

c) Giải pháp về khoa học kỹ thuật (giống, mùa vụ...).

d) Xây dựng các mô hình khuyến nông cho vùng chuyển đổi.

đ) Giải pháp về đầu tư kết cấu hạ tầng.

e) Giải pháp về cơ chế, chính sách.

**5. Các dự án ưu tiên triển khai:** Xác định các dự án triển khai để thực hiện đề án.

#### **6. Khái toán nhu cầu vốn**

a) Nhu cầu vốn đầu tư phân theo từng hạng mục đầu tư.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách địa phương: Tỉnh, huyện, xã và lồng ghép các dự án;
- Vốn tín dụng;
- Vốn của doanh nghiệp, nông hộ;
- Vốn khác.

#### **7. Hiệu quả của đề án**

a) Về kinh tế.

b) Về xã hội.

c) Về môi trường.

#### **8. Tổ chức thực hiện đề án**

a) Trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã).

b) Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn (tỉnh, huyện, xã).

c) Trách nhiệm của các tổ chức hội đoàn thể.

d) Trách nhiệm của các HTX nông nghiệp trong vùng chuyển đổi.

#### **9. Kết luận và kiến nghị**

a) Kết luận.

b) Kiến nghị.

### **IV. NỘI DUNG CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **Bước 1: Khảo sát, điều tra, thu thập các thông tin, dữ liệu và bản đồ**

a) Công tác nội nghiệp: Điều tra, thu thập các loại thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ các cấp từ tỉnh, huyện, xã; phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập được; xác định những nội dung cần điều tra khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát bổ sung, chỉnh lý thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ.

b) Công tác ngoại nghiệp:

- Điều tra, thu thập thông tin, tư liệu ở các địa phương, về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất 3 vụ lúa/năm;

- Khảo sát thực địa, điều tra xác định, chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ. Xác định các vùng và thống nhất số liệu về cơ cấu mùa vụ, loài cây trồng và các giải pháp chuyển đổi ... với các địa phương;

- Khảo sát điều tra xây dựng bản đồ hiện trạng sản xuất lúa 3 vụ/năm tỉnh



Bình Định tỷ lệ 1/100.000;

- Đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có liên quan.

c) Tổng hợp, xử lý các thông tin, dữ liệu và bản đồ:

- Tổng hợp, xử lý các thông tin, dữ liệu điều tra, khảo sát thực địa.

- Xây dựng bản đồ chuyên đổi cơ cấu mùa vụ và cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm tỉnh Bình Định đến năm 2020 tỷ lệ 1/100.000.

**Bước 2: Tổ chức hội thảo tham vấn chuyên gia**

**Bước 3: Xây dựng đề án**

**Bước 4: Hoàn chỉnh đề án và hồ sơ có liên quan để trình duyệt**

**Bước 5: Trình phê duyệt đề án**

#### **V. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN**

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp đề án: 10 bộ;

2. Báo cáo tóm tắt đề án: 10 bộ;

3. Bản đồ hiện trạng và bản đồ chuyển đổi: mỗi loại 05 tờ tỷ lệ 1/100.000

4. Tờ trình phê duyệt đề án;

5. Quyết định phê duyệt đề án;

6. Đĩa CD các loại tài liệu và bản đồ số nêu trên: 10 đĩa.

**Phụ lục:  
DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỀ ÁN**

**"Chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả tỉnh Bình Định đến năm 2020"**  
(Kèm theo Quyết định số: **3431/QĐ-UBND** ngày **15/9/2017** của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đ. Mức (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3=l*2</i>	<i>d</i>
<b>A</b>	<b>ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN (Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn)</b>				<b>113.160.000</b>	
<b>I</b>	<b>Khảo sát xây dựng đề cương nhiệm vụ</b>				<b>3.000.000</b>	TT 58/2011/TT-BTC của BTC
1	Xây dựng đề cương tổng quát	Đ.cương	1	1.000.000	1.000.000	Mức tối thiểu
2	Xây dựng đề cương chi tiết được duyệt	Đ.cương	1	2.000.000	2.000.000	Mức tối thiểu
<b>II</b>	<b>Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu</b>				<b>110.160.000</b>	QĐ số 38/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
<b>1</b>	<b>Lập mẫu phiếu điều tra, phô tô phiếu điều tra</b>				<b>2.750.000</b>	
a	Lập phiếu điều tra:				2.500.000	TT 58/2011/TT-BTC của BTC
	- 30 chỉ tiêu < phiếu < 40 chỉ tiêu	Phiếu	1	1.000.000	1.000.000	
	- Phiếu < 30 chỉ tiêu	Phiếu	2	750.000	1.500.000	
b	Photo mẫu phiếu điều tra				250.000	
	- Phiếu điều tra cấp huyện + xã: 100 phiếu x 2 trang/phiếu	Trang	200	200	40.000	
	- Phiếu điều tra nông hộ sản xuất 3 vụ lúa 350 phiếu x 3 trang/phiếu	Trang	1.050	200	210.000	
<b>2</b>	<b>Chi phí điều tra, thu thập, xử lý số liệu</b>				<b>107.410.000</b>	
a	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ đi điều tra, khoán vẽ ngoài thực địa các địa phương				43.420.000	QĐ số 486/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh
	- Quy Nhơn (đi về trong ngày)	Ngày	7	60.000	420.000	
	- Hoài Nhơn	Ngày	105	100.000	10.500.000	
	- Phù Mỹ	Ngày	130	100.000	13.000.000	
	- Vĩnh Thạnh	Ngày	41	100.000	4.100.000	
	- Tây Sơn	Ngày	22	100.000	2.200.000	
	- Phù Cát	Ngày	124	100.000	12.400.000	
	- Vân Canh	Ngày	8	100.000	800.000	
b	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ đi điều tra, khoán vẽ ngoài thực địa các địa phương có diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm				50.880.000	QĐ số 486/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh

TT	Danh mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đ. Mức (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3=l*2</i>	<i>d</i>
	- Quy Nhơn (đi về trong ngày)	Ngày			0	
	- Hoài Nhơn	Ngày	104	120.000	12.480.000	
	- Phù Mỹ	Ngày	129	120.000	15.480.000	
	- Vĩnh Thạnh	Ngày	40	120.000	4.800.000	
	- Tây Sơn	Ngày	21	120.000	2.520.000	
	- Phù Cát	Ngày	123	120.000	14.760.000	
	- Vân Canh	Ngày	7	120.000	840.000	
c	Xăng xe cho người đi điều tra (sử dụng xe cá nhân) (mỗi ngày đi trung bình 30.000 đ)	Ngày	437	30.000	13.110.000	
<b>B</b>	<b>ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)</b>				<b>105.914.763</b>	
<b>I</b>	<b>Khảo sát xây dựng đề cương nhiệm vụ</b>				<b>0</b>	TT 58/2011/TT-BTC của BTC
1	Chi phí tham quan, học tập kinh nghiệm về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm tại tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam.	Chuyên	1	0	0	Nội dung này đã thực hiện rồi và chi trong Dự toán kinh phí Chương trình Khuyến nông năm 2017
<b>II</b>	<b>Chi họp thông qua đề cương</b>				<b>0</b>	Theo đề xuất của SNN&PTNT tại CV số 2761/SNN-KH ngày 02/8/2017
1	Họp đánh giá nội bộ Sở NN & PTNT				5.750.000	QĐ số 38/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
	- Chủ trì	Người	1	500.000	500.000	
	- Thành viên (gồm BGĐ Sở, đại diện các phòng ban của Sở, đại diện các đơn vị trực thuộc Sở và tổ xây dựng đề cương)	Người	15	350.000	5.250.000	
2	Họp thông qua các sở, ban, ngành				7.500.000	QĐ số 38/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
	- Chủ trì	Người	1	500.000	500.000	
	- Thành viên tham dự	Người	20	350.000	7.000.000	
3	In, photo đề cương, phiếu điều tra phục vụ cho các hội nghị thông qua	Tập	37	10.000	370.000	
<b>III</b>	<b>Chi họp với các địa phương, báo cáo thông qua đề án</b>				<b>41.370.000</b>	
1	Chi họp với 7 huyện, TX, TP để thống nhất số liệu và nội dung chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa ở địa phương				41.370.000	

TT	Danh mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đ. Mức (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
a	b	c	l	2	3=l*2	d
a	Chi phí cuộc họp				40.250.000	QĐ số 3 8/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
	- Chủ trì: 7 địa phương x 1 người/địa phương	Người	7	500.000	3.500.000	
	- Thành viên (gồm đại diện các phòng, đơn vị liên quan và tổ xây dựng Đề án): 7 địa phương x 20 người/địa phương	Người	105	350.000	36.750.000	
b	In ấn, phô tô tài liệu, số liệu phục vụ họp	Tập	112	10.000	1.120.000	
<b>2</b>	<b>Chi báo cáo thông qua đề án</b>					Theo đề xuất của SNN&PTNT tại CV số 2761/SNN-KH ngày 02/8/2017
a	Chi thông qua nội bộ Sở NN & PTNT				7.500.000	QĐ số 38/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
	- Chủ trì	Người	1	500.000	500.000	
	- Thành viên (gồm BGD Sở, đại diện các phòng ban của Sở, đại diện các đơn vị trực thuộc Sở và tổ xây dựng Đề án)	Người	20	350.000	7.000.000	
b	Chi thông qua các địa phương, các sở, ban, ngành				11.000.000	QĐ số 38/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
	- Chủ trì	Người	1	500.000	500.000	
	- Thành viên tham dự	Người	30	350.000	10.500.000	
c	In, Phô tô Đề án phục vụ cho các hội nghị thông qua	Tập	52	20.000	1.040.000	
<b>IV</b>	<b>Tiền công lao động</b>				<b>56.136.438</b>	QĐ số 38/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
	Chủ nhiệm đề án	Công	11,0	0,55	7.320.500	Tiền lương cơ sở tính 1.210.000 đồng
	Thành viên thực hiện chính, thư ký	Công	50,0	0,34	20.570.000	
	Thành viên	Công	129,7	0,18	28.245.938	
<b>V</b>	<b>Hoàn thiện, in, phô tô, đóng tập đề án chính thức (VP phẩm)</b>	<b>Đề án</b>	<b>1</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	
	<b>Tổng (A+B)</b>				<b>211.666.438</b>	
<b>VI</b>	<b>Dự toán chi quản lý chung</b>	<b>Đề án</b>	<b>1</b>	<b>3,5%</b>	<b>7.408.325</b>	
	<b>TỔNG CỘNG (A+B):</b>				<b>219.074.763</b>	
	<b>LÀM TRÒN:</b>				<b>219.075.000</b>	

Ghi chú: Đơn vị thanh quyết toán theo thực tế phát sinh nhưng không được vượt định mức được duyệt nêu trên.